

CÔNG TY CỔ PHẦN HCL VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HCL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM HCL JOINTS TOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107896156

3. Ngày thành lập: 23/06/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô số 08, khu BT3, khu nhà ở Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936609639

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
2.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
4.	Bán buôn tổng hợp	4690
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
6.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
7.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
10.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12.	Phá dỡ	4311
13.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	4669
19.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
23.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
24.	Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ	47821
25.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
26.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
27.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại nhà nước cho phép)	8299
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
35.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
36.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
37.	Cơ sở lưu trú khác	5590
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
44.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
45.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
56.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
58.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
59.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
62.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
63.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
64.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
65.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
66.	Thu gom rác thải độc hại	3812
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
68.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
69.	Tái chế phế liệu	3830
70.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
71.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
72.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
73.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
74.	Bán buôn gạo	4631
75.	Bán buôn thực phẩm	4632
76.	Bán buôn đồ uống	4633
77.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

78.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
79.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
81.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
83.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
84.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
85.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
86.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
87.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
88.	(Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HÒA	Thôn Thọ, Xã Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	45,000	035188000084	
			Tổng số	45.000	450.000.000	45,000		
2	BÙI TRỌNG TUYÊN	CH2102-HH2 Bắc Hà, KĐT Phùng Khoang, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	024081000186	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000		

3	NGUYỄN MẠNH HÀ	Thôn Thọ, Xã Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	0270830001 09	
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027083000109

Ngày cấp: 06/11/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thọ, Xã Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thọ, Xã Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội